

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2026.
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Hồng Phượng;
- Ông Nguyễn Thanh Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Bảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim K, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072182014068; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E ấp P, Xã D, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072082011954; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Trần Thị Kim K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành H tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2023, chị và anh H sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy

không còn tình cảm với anh H, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành H1, sinh ngày 01-01-2006. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Thành H trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim K tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2023. Nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành H1, sinh ngày 01-01-2006. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Kim K và anh Nguyễn Thành H là vợ chồng. Về con chung: Con chung hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành H hiện đang cư trú tại ấp P, Xã D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27-6-2025 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

Tại phiên toà, chị K và anh H vắng mặt, có đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim K và anh Nguyễn Thành H tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức đám cưới. Mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chị K, anh H vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữa chị K và anh H không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên không còn chung sống từ năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị K yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Trần Thị K và anh Nguyễn Thành H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thành H1, sinh ngày 01-01-2006. Hiện con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét lời đề nghị tại phiên toà của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không công nhận chị Trần Thị Kim K và anh Nguyễn Thành H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành H1, sinh ngày 01-01-2006. Hiện con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001775 ngày 23-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 11-TN;
- THADS tỉnh TN;
- UBND phường Ninh Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân